

Số: 124/QĐ-CĐCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 22TCB (Quảng Trị)
Đợt xét tháng 02/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-CĐCNH ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2024-2025;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 12 tháng 3 năm 2025 cho các Khóa 22CD (2.5 năm), 23CL (1.5 năm), 22TCB (Quảng Trị) và lớp 22TCMX11-B.

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 32 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCB (Quảng Trị), đợt xét tháng 02/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP

KHÓA 22TC- QUẢNG TRỊ, BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 02/2025

(Kèm theo Quyết định số 124 /QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 19 tháng 3 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2250913	Đặng Tiến	Dũng	Nam	04/12/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC11-CR	55	3.44	8.13	Giỏi	0007/25/TC/CĐCNH	501143	
2	2250996	Trương Đức Thanh	Bình	Nam	17/02/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	3.2	8.18	Giỏi	0008/25/TC/CĐCNH	501144	
3	2250997	Nguyễn Ngọc	Chương	Nam	26/10/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	3.65	8.63	Xuất sắc	0009/25/TC/CĐCNH	501145	
4	2251004	Phạm Văn	Hoàng	Nam	23/09/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	3.29	8.18	Giỏi	0010/25/TC/CĐCNH	501146	
5	2251017	Nguyễn Hữu	Quy	Nam	01/01/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	3.16	7.79	Giỏi	0011/25/TC/CĐCNH	501147	
6	2251018	Phạm Minh	Sang	Nam	19/05/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	3.27	8.05	Giỏi	0012/25/TC/CĐCNH	501148	
7	2251020	Hoàng Xuân	Tài	Nam	12/09/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	2.98	7.64	Khá	0013/25/TC/CĐCNH	501149	
8	2251027	Nguyễn Giai	Tùng	Nam	15/12/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	3.13	7.96	Giỏi	0014/25/TC/CĐCNH	501150	
9	2250832	Thái Quốc	Bảo	Nam	17/05/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.72	7.34	Khá	0015/25/TC/CĐCNH	501151	
10	2250836	Hoàng Thanh	Hương	Nữ	06/12/2007	Quảng Bình	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.9	7.49	Khá	0016/25/TC/CĐCNH	501152	
11	2250841	Nguyễn Ngọc Bảo	Lâm	Nam	16/01/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.91	7.68	Khá	0017/25/TC/CĐCNH	501153	
12	2250842	Đỗ Lê Nhật	Minh	Nam	27/02/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	3.41	8.2	Giỏi	0018/25/TC/CĐCNH	501154	
13	2250843	Hoàng Nhật	Nam	Nam	26/05/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.86	7.39	Khá	0019/25/TC/CĐCNH	501155	
14	2250849	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	Nữ	25/11/2006	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.84	7.41	Khá	0020/25/TC/CĐCNH	501156	
15	2250852	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	14/04/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.91	7.41	Khá	0021/25/TC/CĐCNH	501157	
16	2250853	Trương Đăng	Quang	Nam	04/08/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.83	7.28	Khá	0022/25/TC/CĐCNH	501158	
17	2250856	Nguyễn Thị Thúy	Sang	Nữ	23/10/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	3.16	7.91	Giỏi	0023/25/TC/CĐCNH	501159	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
18	2250859	Nguyễn Lê	Phương Thảo	Nữ	21/02/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	3.03	7.7	Giỏi	0024/25/TC/CDCNH	501160	
19	2250860	Nguyễn	Thanh Thảo	Nữ	13/09/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-CR	58	2.95	7.57	Khá	0025/25/TC/CDCNH	501161	
20	2250861	Hồ	Hiền Châu	Nữ	09/06/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.93	7.45	Khá	0026/25/TC/CDCNH	501162	
21	2250862	Phạm	Anh Đào	Nữ	04/05/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.5	6.85	Khá	0027/25/TC/CDCNH	501163	
22	2250864	Hồ	Nam Hiếu	Nam	13/03/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	3.16	7.83	Giỏi	0028/25/TC/CDCNH	501164	
23	2250865	Đặng Thị	Linh Huyền	Nữ	21/01/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.88	7.38	Khá	0029/25/TC/CDCNH	501165	
24	2250867	Hồ	Thị In	Nữ	23/09/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.6	6.91	Khá	0030/25/TC/CDCNH	501166	
25	2250873	Hồ	Thị Liễu	Nữ	23/04/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.28	6.66	Trung bình	0031/25/TC/CDCNH	501167	
26	2250879	Hồ	Thị Puôn	Nữ	10/11/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.84	7.26	Khá	0032/25/TC/CDCNH	501168	
27	2250880	Mai	Văn Quang	Nam	09/08/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.57	7.03	Khá	0033/25/TC/CDCNH	501169	
28	2250884	Hồ	Văn Thuru	Nam	02/01/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH12-CR	58	2.83	7.54	Khá	0034/25/TC/CDCNH	501170	
29	2250956	Nguyễn Thị	Kim Oanh	Nữ	24/07/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH13-CT	58	3.28	8.12	Giỏi	0035/25/TC/CDCNH	501171	
30	2250959	Hoàng Thị	Thu Thúy	Nữ	17/10/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH13-CT	58	2.76	7.54	Khá	0036/25/TC/CDCNH	501172	
31	2250978	Đoàn	Quang Lợi	Nam	08/04/2007	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH14-CT	58	3.17	7.86	Giỏi	0037/25/TC/CDCNH	501173	
32	2250987	Nguyễn Thị	Minh Tâm	Nữ	09/12/2007	Đắk Nông	Tin học ứng dụng	22TCTH14-CT	58	2.98	7.55	Khá	0038/25/TC/CDCNH	501174	

Danh sách trên gồm 32 học sinh tốt nghiệp./

TP. ĐÀO TẠO



Hà Xuân Vinh



Số: 185/QĐ-CĐCNH

Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 21TCB, 22TCB
đợt tháng 04/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-CĐCNH ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-CĐCNH ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2024-2025;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 22 tháng 4 năm 2025 cho các Khóa cũ: Từ khóa 21CD trở về trước, 23CL trở về trước, 22TCA và 22TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 14 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 21TCB, 22TCB đợt xét tháng 4/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

KHÓA 21TCB, 22TCB - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 4/2025

(Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 23 tháng 4 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCT L	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2150057	Nguyễn Văn	Bào	Nam	28/02/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21TCCK11-B	57	3.33	8.36	Giỏi	0040/25/TC/CĐCNH	501176	
2	2150074	Trần Quang	Minh	Nam	28/11/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21TCCK11-B	57	3.09	7.85	Khá	0041/25/TC/CĐCNH	501177	
3	2150024	Nguyễn Đức Minh	Hiếu	Nam	21/01/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	21TCTH11-B	58	2.31	6.56	Trung bình	0042/25/TC/CĐCNH	501178	
4	2150107	Nguyễn Phú	Tài	Nam	04/04/2005	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	21TCTH12-B	58	2.62	7.16	Khá	0043/25/TC/CĐCNH	501179	
5	2250576	Nguyễn Đức	Trường	Nam	19/08/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.81	7.63	Khá	0044/25/TC/CĐCNH	501180	
6	2250718	Hà Trần Nhật	Hiếu	Nam	21/04/2007	Thừa Thiên Huế	Tổ chức sự kiện	22TCKT31-B	55	2.35	6.61	Trung bình	0045/25/TC/CĐCNH	501181	
7	2250133	Hoàng Nguyễn Quốc	Hào	Nam	26/09/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.6	6.95	Khá	0046/25/TC/CĐCNH	501182	
8	2250243	Hoàng Thanh Nhật	Quang	Nam	24/04/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.88	7.49	Khá	0047/25/TC/CĐCNH	501183	
9	2250161	Phạm Công	Trung	Nam	05/08/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.22	6.66	Trung bình	0048/25/TC/CĐCNH	501184	
10	2250441	Nguyễn Phước	An	Nam	14/12/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.95	7.54	Khá	0049/25/TC/CĐCNH	501185	
11	2250446	Đặng Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	29/05/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.79	7.39	Khá	0050/25/TC/CĐCNH	501186	
12	2250462	Phạm Trọng Hoàng	Long	Nam	20/10/2007	Cà Mau	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.29	6.42	Trung bình	0051/25/TC/CĐCNH	501187	
13	2250401	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	25/11/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.55	6.68	Khá	0052/25/TC/CĐCNH	501188	
14	2250402	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	02/01/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.31	6.63	Trung bình	0053/25/TC/CĐCNH	501189	

Danh sách trên gồm 14 học sinh tốt nghiệp./.

TP. ĐÀO TẠO

Hà Xuân Vinh



Phạm Văn Quân

Số: 576/QĐ-CĐCNH

Huế, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 23TCB
Đợt xét tháng 09/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 19 tháng 9 năm 2025 cho các Khóa 23TC-B, 24CL (đào tạo theo chương trình 1 năm), và các lớp 24TCDC12A-D, 24TCDC21B-D, 22CDCK21 (đào tạo theo chương trình 3 năm);

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 242 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, khóa 23TCB, đợt xét tháng 09/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 23TCB - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 09/2025
(Kèm theo Quyết định số 576/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 24 tháng 9 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2350451	Phạm Thị Bảo	Anh	Nữ	23/10/2007	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.26	8.22	Giỏi	0054/25/TC/CĐCNH	501190	
2	2350453	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	Nữ	21/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.22	8.2	Giỏi	0055/25/TC/CĐCNH	501191	
3	2350827	Hồ Thị Kim	Dung	Nữ	01/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.16	7.85	Giỏi	0056/25/TC/CĐCNH	501192	
4	2350781	Hồ Thị Mỹ	Huyền	Nữ	24/10/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.97	7.64	Khá	0057/25/TC/CĐCNH	501193	
5	2350461	Hoàng Ngọc Duy	Khang	Nam	09/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.29	8.18	Giỏi	0058/25/TC/CĐCNH	501194	
6	2350463	Hoàng Vũ	Luân	Nam	23/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.52	6.89	Khá	0059/25/TC/CĐCNH	501195	
7	2350466	Lê Phước Nhật	Nam	Nam	11/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.93	7.67	Khá	0060/25/TC/CĐCNH	501196	
8	2350467	Lê Đức Doãn	Nghĩa	Nam	27/10/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.05	7.78	Giỏi	0061/25/TC/CĐCNH	501197	
9	2350468	Lê Thanh Như	Ngọc	Nữ	10/10/2007	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.4	8.47	Giỏi	0062/25/TC/CĐCNH	501198	
10	2350469	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	Nữ	24/12/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.84	7.66	Khá	0063/25/TC/CĐCNH	501199	
11	2350470	Bùi Thanh	Nhã	Nữ	07/10/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.45	8.51	Giỏi	0064/25/TC/CĐCNH	501200	
12	2350471	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	Nữ	09/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.67	8.81	Xuất sắc	0065/25/TC/CĐCNH	501201	
13	2350472	Huỳnh Lê Quỳnh	Như	Nữ	20/02/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.71	8.8	Xuất sắc	0066/25/TC/CĐCNH	501202	
14	2350473	Võ Văn Ngọc	Phước	Nam	30/06/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.16	8.06	Giỏi	0067/25/TC/CĐCNH	501203	
15	2350474	Lê Hoàng Uyên	Phương	Nữ	07/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.31	8.27	Giỏi	0068/25/TC/CĐCNH	501204	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
16	2350475	Nguyễn Thị Hà	Phuong	Nữ	07/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.84	7.5	Khá	0069/25/TC/CDCNH	501205	
17	2350477	Lê Văn	Quang	Nam	09/06/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.71	7.17	Khá	0070/25/TC/CDCNH	501206	
18	2350484	Võ Thị Diễm	Thúy	Nữ	26/05/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.97	7.51	Khá	0071/25/TC/CDCNH	501207	
19	2350485	Hoàng Lưu Nhật	Tiên	Nữ	12/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.14	8.12	Giỏi	0072/25/TC/CDCNH	501208	
20	2350486	Võ Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	21/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.09	7.98	Giỏi	0073/25/TC/CDCNH	501209	
21	2350488	Trần Bảo	Vy	Nữ	26/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	2.93	7.66	Khá	0074/25/TC/CDCNH	501210	
22	2350489	Phan Thị Như	Ý	Nữ	03/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ thực phẩm	23TCCH11-B	58	3.67	8.72	Xuất sắc	0075/25/TC/CDCNH	501211	
23	2350280	Lê Bảo Quốc	Anh	Nam	08/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.11	8.04	Giỏi	0076/25/TC/CDCNH	501212	
24	2350283	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	08/05/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3	7.88	Giỏi	0077/25/TC/CDCNH	501213	
25	2350286	Nguyễn Văn	Hàn	Nam	17/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	2.98	7.75	Khá	0078/25/TC/CDCNH	501214	
26	2350287	Lê Bá Nhật	Hoàng	Nam	23/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.02	7.93	Giỏi	0079/25/TC/CDCNH	501215	
27	2350289	Lê Phước	Huy	Nam	13/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.35	8.08	Giỏi	0080/25/TC/CDCNH	501216	
28	2350293	Trần Đình	Khoa	Nam	13/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.32	8.06	Giỏi	0081/25/TC/CDCNH	501217	
29	2350294	Trần Như Nguyễn	Kiệt	Nam	11/06/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.19	8.23	Giỏi	0082/25/TC/CDCNH	501218	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
30	2350296	Hồ Trương Bảo	Nam	Nam	28/12/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.4	8.47	Giỏi	0083/25/TC/CDCNH	501219	
31	2350297	Hoàng Trọng Nhật	Nam	Nam	06/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.25	8.16	Giỏi	0084/25/TC/CDCNH	501220	
32	2350299	Huỳnh Phong	Nhật	Nam	23/04/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.26	8.19	Giỏi	0085/25/TC/CDCNH	501221	
33	2350304	Hồ Ngọc Minh	Quân	Nam	18/02/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.25	8.21	Giỏi	0086/25/TC/CDCNH	501222	
34	2350306	Trần Văn	Quân	Nam	13/11/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	2.74	7.44	Khá	0087/25/TC/CDCNH	501223	
35	2350308	Trần Duy	Quang	Nam	06/11/2008	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.63	8.85	Xuất sắc	0088/25/TC/CDCNH	501224	
36	2350310	Nguyễn Xuân	Quốc	Nam	31/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.16	7.99	Giỏi	0089/25/TC/CDCNH	501225	
37	2350311	Trần Nhật	Quốc	Nam	15/11/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.33	8.34	Giỏi	0090/25/TC/CDCNH	501226	
38	2350682	Đặng Huỳnh	Thọ	Nam	10/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.23	8.21	Giỏi	0091/25/TC/CDCNH	501227	
39	2350322	Ngô Mạnh	Tường	Nam	28/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.32	8.3	Giỏi	0092/25/TC/CDCNH	501228	
40	2350323	Nguyễn Thiện	Vũ	Nam	22/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23TCCK11-B	57	3.11	8.03	Giỏi	0093/25/TC/CDCNH	501229	
41	2350663	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	22/10/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3.1	7.99	Giỏi	0094/25/TC/CDCNH	501230	
42	2350665	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/12/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3.27	8.19	Giỏi	0095/25/TC/CDCNH	501231	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
43	2350666	Hồ Lê Trang	Cơ	Nữ	23/08/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	2.81	7.3	Khá	0096/25/TC/CDCNH	501232	
44	2350673	Đặng Hồng	Nâu	Nữ	12/03/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3.42	8.47	Giỏi	0097/25/TC/CDCNH	501233	
45	2350674	Trần Lê Bảo	Ngọc	Nữ	24/04/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3.68	8.89	Xuất sắc	0098/25/TC/CDCNH	501234	
46	2350676	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	Nữ	26/08/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3	7.64	Giỏi	0099/25/TC/CDCNH	501235	
47	2350678	Võ Kỳ	Như	Nữ	22/08/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	2.24	6.64	Trung bình	0100/25/TC/CDCNH	501236	
48	2350680	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	Nữ	13/12/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3.05	7.98	Giỏi	0101/25/TC/CDCNH	501237	
49	2350681	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	08/04/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	2.49	7.14	Trung bình	0102/25/TC/CDCNH	501238	
50	2350685	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	12/09/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	2.44	7.03	Trung bình	0103/25/TC/CDCNH	501239	
51	2350686	Nguyễn Thị Uyên	Trang	Nữ	15/05/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	2.68	7.11	Khá	0104/25/TC/CDCNH	501240	
52	2350690	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	17/09/2008	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21-B	59	3.32	8.09	Giỏi	0105/25/TC/CDCNH	501241	
53	2350002	Nguyễn Thiên	Bào	Nam	20/08/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.05	7.88	Giỏi	0106/25/TC/CDCNH	501242	
54	2350003	Nguyễn Văn Gia	Bào	Nam	14/11/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.58	7.22	Khá	0107/25/TC/CDCNH	501243	
55	2350006	Nguyễn Hữu Thanh	Đức	Nam	21/12/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.11	8.03	Giỏi	0108/25/TC/CDCNH	501244	
56	2350010	Chu Minh	Hiếu	Nam	20/10/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.78	7.32	Khá	0109/25/TC/CDCNH	501245	
57	2350705	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	04/01/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.47	7.15	Trung bình	0110/25/TC/CDCNH	501246	
58	2350015	Huỳnh Văn	Huy	Nam	30/09/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.75	7.36	Khá	0111/25/TC/CDCNH	501247	
59	2350017	Cao Đức Nguyên	Khang	Nam	03/07/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.89	7.57	Khá	0112/25/TC/CDCNH	501248	
60	2350020	Đình Minh	Khánh	Nam	24/03/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3	7.73	Giỏi	0113/25/TC/CDCNH	501249	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
61	2350024	Võ Quang An	Lộc	Nam	07/05/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.16	8.08	Giỏi	0114/25/TC/CDCNH	501250	
62	2350028	Hoàng Ngọc Nhật	Nguyên	Nam	13/09/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.02	7.9	Giỏi	0115/25/TC/CDCNH	501251	
63	2350029	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	11/04/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.85	7.68	Khá	0116/25/TC/CDCNH	501252	
64	2350033	Trần Văn Minh	Nhật	Nam	09/10/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.16	7.98	Giỏi	0117/25/TC/CDCNH	501253	
65	2350806	Lê Văn Thanh	Phong	Nam	17/05/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.89	7.54	Khá	0118/25/TC/CDCNH	501254	
66	2350034	Dương Văn Bảo	Phúc	Nam	28/10/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.58	7.12	Khá	0119/25/TC/CDCNH	501255	
67	2350035	Nguyễn Phạm Anh	Quân	Nam	28/03/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.25	8.23	Giỏi	0120/25/TC/CDCNH	501256	
68	2350044	Lê Phước Mạnh	Trường	Nam	05/01/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	2.82	7.53	Khá	0121/25/TC/CDCNH	501257	
69	2350045	Ngô Quý Anh	Tuấn	Nam	10/06/2008	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11-B	55	3.02	7.68	Giỏi	0122/25/TC/CDCNH	501258	
70	2350048	Nguyễn Phú Bình	An	Nam	01/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.78	7.38	Khá	0123/25/TC/CDCNH	501259	
71	2350049	Nguyễn Xuân	An	Nam	15/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.38	6.95	Trung bình	0124/25/TC/CDCNH	501260	
72	2350053	Phan Minh	Giàu	Nam	24/05/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	3.27	8.23	Giỏi	0125/25/TC/CDCNH	501261	
73	2350065	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	19/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.51	7.01	Khá	0126/25/TC/CDCNH	501262	
74	2350067	Trương Xuân	Mãn	Nam	26/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	3.56	8.59	Xuất sắc	0127/25/TC/CDCNH	501263	
75	2350068	Nguyễn	Mạnh	Nam	19/11/2007	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	3.38	8.59	Giỏi	0128/25/TC/CDCNH	501264	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
76	2350070	Hoàng Nhật	Minh	Nam	30/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.96	7.61	Khá	0129/25/TC/CDCNH	501265	
77	2350074	Nguyễn Duy	Nam	Nam	14/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.38	6.91	Trung bình	0130/25/TC/CDCNH	501266	
78	2350075	Trần Quang Bảo	Nam	Nam	27/11/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.4	6.89	Trung bình	0131/25/TC/CDCNH	501267	
79	2350722	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	01/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.33	6.83	Trung bình	0132/25/TC/CDCNH	501268	
80	2350078	Võ Đại Thành	Nhân	Nam	24/11/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.22	6.77	Trung bình	0133/25/TC/CDCNH	501269	
81	2350082	Nguyễn	Ry	Nam	13/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	3.42	8.46	Giỏi	0134/25/TC/CDCNH	501270	
82	2350084	Nguyễn Văn	Tài	Nam	04/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.56	7.11	Khá	0135/25/TC/CDCNH	501271	
83	2350765	Hoàng Văn Trường	Thịnh	Nam	01/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.73	7.48	Khá	0136/25/TC/CDCNH	501272	
84	2350092	Trương Mạnh	Vũ	Nam	31/05/2008	Quảng Trị	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	23TCDC21-B	55	2.55	7.11	Khá	0137/25/TC/CDCNH	501273	
85	2350653	Đặng Thái	Bảo	Nam	08/08/2007	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	2.29	6.7	Trung bình	0138/25/TC/CDCNH	501274	
86	2350654	Võ Trần Thanh	Bình	Nữ	18/03/2008	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	3.02	7.69	Giỏi	0139/25/TC/CDCNH	501275	
87	2350703	Trịnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	07/09/2001	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	3.83	9.03	Xuất sắc	0140/25/TC/CDCNH	501276	
88	2350720	Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/04/2003	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	3.83	9.04	Xuất sắc	0141/25/TC/CDCNH	501277	
89	2350648	Nguyễn Ngô Nhật	Tiến	Nam	19/03/2008	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	2.13	6.3	Trung bình	0142/25/TC/CDCNH	501278	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
90	2350740	Hà Văn	Triều	Nam	23/10/2002	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	3.73	8.8	Xuất sắc	0143/25/TC/CDCNH	501279	
91	2350748	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	13/06/2007	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	23TCKT11-B	52	2.6	7.03	Khá	0144/25/TC/CDCNH	501280	
92	2350515	Hồ Lê Phương	Anh	Nữ	04/10/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	2.94	7.51	Khá	0145/25/TC/CDCNH	501281	
93	2350517	Phan Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/04/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.4	8.28	Giỏi	0146/25/TC/CDCNH	501282	
94	2350518	Cái Hương	Giang	Nữ	25/05/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.54	8.53	Xuất sắc	0147/25/TC/CDCNH	501283	
95	2350519	Trần Nhã	Hân	Nữ	20/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.4	8.24	Giỏi	0148/25/TC/CDCNH	501284	
96	2350520	Ngô Thanh	Hằng	Nữ	01/11/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.15	7.87	Giỏi	0149/25/TC/CDCNH	501285	
97	2350522	Lê Thị Thanh	Hiền	Nữ	24/07/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.25	8.25	Giỏi	0150/25/TC/CDCNH	501286	
98	2350523	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	07/02/2007	TP. Hồ Chí Minh	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.38	8.26	Giỏi	0151/25/TC/CDCNH	501287	
99	2350525	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	Nữ	07/02/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.38	8.36	Giỏi	0152/25/TC/CDCNH	501288	
100	2350569	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	Nữ	02/02/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.65	8.67	Xuất sắc	0153/25/TC/CDCNH	501289	
101	2350532	Lê Mai Bích	Nhi	Nữ	20/06/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.4	8.16	Giỏi	0154/25/TC/CDCNH	501290	
102	2350539	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	06/01/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.54	8.61	Xuất sắc	0155/25/TC/CDCNH	501291	
103	2350540	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	06/06/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.21	8.15	Giỏi	0156/25/TC/CDCNH	501292	
104	2350541	Nguyễn Thị Anh	Thu	Nữ	01/10/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.21	8.04	Giỏi	0157/25/TC/CDCNH	501293	
105	2350542	Đỗ Thị Anh	Thư	Nữ	27/04/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.19	7.81	Giỏi	0158/25/TC/CDCNH	501294	
106	2350543	Huỳnh Nguyên Anh	Thư	Nữ	15/08/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.6	8.46	Xuất sắc	0159/25/TC/CDCNH	501295	
107	2350544	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	09/03/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.79	8.83	Xuất sắc	0160/25/TC/CDCNH	501296	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
108	2350546	Trần Thanh	Thúy	Nữ	21/09/2008	TP. Hồ Chí Minh	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	2.98	7.68	Khá	0161/25/TC/CDCNH	501297	
109	2350551	Đỗ Hoàng Uyên	Trang	Nữ	28/03/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.17	7.83	Giỏi	0162/25/TC/CDCNH	501298	
110	2350554	Hồng Yên	Trinh	Nữ	08/12/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.19	8.11	Giỏi	0163/25/TC/CDCNH	501299	
111	2350556	Trần Thị Tú	Uyên	Nữ	10/08/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT21-B	52	3.12	7.97	Giỏi	0164/25/TC/CDCNH	501300	
112	2350559	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	16/09/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.31	8.15	Giỏi	0165/25/TC/CDCNH	501301	
113	2350563	Tường Gia	Hân	Nữ	13/01/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.46	8.36	Giỏi	0166/25/TC/CDCNH	501302	
114	2350567	Phan Hoàng Khánh	Ly	Nữ	14/11/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	2.94	7.68	Khá	0167/25/TC/CDCNH	501303	
115	2350568	Nguyễn Thùy	Minh	Nữ	22/09/2007	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.29	8.15	Giỏi	0168/25/TC/CDCNH	501304	
116	2350571	Trần Đỗ Thu	Ngân	Nữ	11/04/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.31	8.13	Giỏi	0169/25/TC/CDCNH	501305	
117	2350572	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	18/09/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.56	8.65	Xuất sắc	0170/25/TC/CDCNH	501306	
118	2350760	Hồ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	20/03/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	2.87	7.48	Khá	0171/25/TC/CDCNH	501307	
119	2350578	Đoàn Thị Thanh	Phúc	Nữ	23/04/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.12	7.99	Giỏi	0172/25/TC/CDCNH	501308	
120	2350581	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	15/04/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.19	8.04	Giỏi	0173/25/TC/CDCNH	501309	
121	2350587	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	05/11/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	2.77	7.69	Khá	0174/25/TC/CDCNH	501310	
122	2350590	Lê Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	21/04/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.15	7.94	Giỏi	0175/25/TC/CDCNH	501311	
123	2350593	Châu Thị Huyền	Trang	Nữ	26/07/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	2.92	7.78	Khá	0176/25/TC/CDCNH	501312	
124	2350598	Lê Khánh	Uyên	Nữ	11/11/2008	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	23TCKT22-B	52	3.25	8.02	Giỏi	0177/25/TC/CDCNH	501313	
125	2350624	Trần Văn Thành	Hiếu	Nam	14/11/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	2.58	7.07	Khá	0178/25/TC/CDCNH	501314	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
126	2350627	Phạm Lê	Khoa	Nam	24/11/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	2.8	7.43	Khá	0179/25/TC/CDCNH	501315	
127	2350628	Trần Minh	Khuê	Nữ	07/04/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.38	8.22	Giỏi	0180/25/TC/CDCNH	501316	
128	2350630	Nguyễn Xu	Min	Nam	20/06/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	2.71	7.11	Khá	0181/25/TC/CDCNH	501317	
129	2350632	Lê Thị Thanh	Nhã	Nữ	31/08/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.33	8.03	Giỏi	0182/25/TC/CDCNH	501318	
130	2350634	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	29/04/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	2.25	6.72	Trung bình	0183/25/TC/CDCNH	501319	
131	2350636	Trần Nguyễn Phương	Nhi	Nữ	01/03/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.76	8.84	Xuất sắc	0184/25/TC/CDCNH	501320	
132	2350639	Trương Thị Thanh	Sang	Nữ	19/01/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.67	8.64	Xuất sắc	0185/25/TC/CDCNH	501321	
133	2350640	Ngô Thị Diễm	Thi	Nữ	30/10/2008	TP. Hải Phòng	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.09	7.71	Giỏi	0186/25/TC/CDCNH	501322	
134	2350642	Nguyễn Thị Uyên	Thư	Nữ	18/02/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.36	8.03	Giỏi	0187/25/TC/CDCNH	501323	
135	2350644	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	01/03/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.71	8.81	Xuất sắc	0188/25/TC/CDCNH	501324	
136	2350646	Trần Thị Kim	Yến	Nữ	03/05/2008	Thành phố Huế	Tổ chức sự kiện	23TCKT31-B	55	3.4	8.3	Giỏi	0189/25/TC/CDCNH	501325	
137	2350491	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	10/04/2008	Thành phố Huế	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	23TCMX11-B	51	2.98	7.66	Khá	0190/25/TC/CDCNH	501326	
138	2350503	Lê Vũ Khánh	Ngọc	Nữ	01/03/2008	Thành phố Huế	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	23TCMX11-B	51	3.49	8.56	Giỏi	0191/25/TC/CDCNH	501327	
139	2350506	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24/01/2007	Thành phố Huế	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	23TCMX11-B	51	3.53	8.38	Xuất sắc	0192/25/TC/CDCNH	501328	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
140	2350187	Phạm Văn Tiến	Đạt	Nam	20/11/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.61	7.08	Khá	0193/25/TC/CDCNH	501329	
141	2350188	Lê Văn	Đô	Nam	19/12/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.9	7.55	Khá	0194/25/TC/CDCNH	501330	
142	2350190	Lê Văn	Hiền	Nam	01/06/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	3.08	7.78	Giỏi	0195/25/TC/CDCNH	501331	
143	2350191	Hà Anh	Hiếu	Nam	02/07/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.98	7.65	Khá	0196/25/TC/CDCNH	501332	
144	2350192	Huỳnh Đình	Hòa	Nam	31/05/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	3.44	8.28	Giỏi	0197/25/TC/CDCNH	501333	
145	2350194	Trần Văn	Hoàng	Nam	31/08/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.98	7.58	Khá	0198/25/TC/CDCNH	501334	
146	2350206	Võ Đại Chí	Mẫn	Nam	19/05/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	3.37	8.13	Giỏi	0199/25/TC/CDCNH	501335	
147	2350207	Trần Duy	Minh	Nam	24/07/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.73	7.21	Khá	0200/25/TC/CDCNH	501336	
148	2350212	Nguyễn Hoàng Thanh	Quân	Nam	06/10/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	3	7.78	Giỏi	0201/25/TC/CDCNH	501337	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
149	2350218	Ngô Hữu	Tâm	Nam	17/09/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	3.25	8.19	Giỏi	0202/25/TC/CDCNH	501338	
150	2350221	Hoàng Quốc	Thắng	Nam	20/02/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.66	7.26	Khá	0203/25/TC/CDCNH	501339	
151	2350225	Dương Việt Anh	Tiến	Nam	15/02/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.73	7.15	Khá	0204/25/TC/CDCNH	501340	
152	2350230	Nguyễn Nguyên Hùng	Vỹ	Nam	13/03/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL11-B	59	2.98	7.67	Khá	0205/25/TC/CDCNH	501341	
153	2350232	Hồ Hữu Gia	Bảo	Nam	22/04/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3	7.46	Giỏi	0206/25/TC/CDCNH	501342	
154	2350236	Trần Duy	Đạt	Nam	09/06/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3.02	7.65	Giỏi	0207/25/TC/CDCNH	501343	
155	2350237	Lê Văn	Đức	Nam	30/08/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3.02	7.59	Giỏi	0208/25/TC/CDCNH	501344	
156	2350819	Lê Văn	Hiếu	Nam	05/03/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	2.59	7.09	Khá	0209/25/TC/CDCNH	501345	
157	2350242	Nguyễn Đăng	Hoàng	Nam	20/08/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3.15	7.89	Giỏi	0210/25/TC/CDCNH	501346	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
158	2350251	Lê Anh	Khoa	Nam	08/12/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3.24	8.09	Giỏi	0211/25/TC/CDCNH	501347	
159	2350822	Cao Văn	Lam	Nam	19/08/2000	Quảng Trị	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	2.32	6.84	Trung bình	0212/25/TC/CDCNH	501348	
160	2350257	Hoàng Phan Lý	Nguyễn	Nam	01/01/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	2.81	7.41	Khá	0213/25/TC/CDCNH	501349	
161	2350815	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	19/04/2002	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3.47	8.44	Giỏi	0214/25/TC/CDCNH	501350	
162	2350261	Trần Hồng	Phúc	Nam	05/04/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	3.12	7.84	Giỏi	0215/25/TC/CDCNH	501351	
163	2350727	Hoàng Ngọc Anh	Quân	Nam	06/01/2007	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	2.76	7.53	Khá	0216/25/TC/CDCNH	501352	
164	2350263	Văn Đức	Quân	Nam	05/12/2008	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	2.98	7.78	Khá	0217/25/TC/CDCNH	501353	
165	2350731	Phan Hữu	Thắng	Nam	18/10/2006	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23TCNL12-B	59	2.95	7.58	Khá	0218/25/TC/CDCNH	501354	
166	2350601	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	31/07/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.51	6.87	Khá	0219/25/TC/CDCNH	501355	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
167	2350603	Phan Văn	Đạt	Nam	04/09/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.11	6.28	Trung bình	0220/25/TC/CDCNH	501356	
168	2350604	Phan Thị Thu	Doanh	Nữ	19/04/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	3.11	8	Giỏi	0221/25/TC/CDCNH	501357	
169	2350607	Nguyễn Phước Định Khánh	Linh	Nữ	22/06/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.71	7.18	Khá	0222/25/TC/CDCNH	501358	
170	2350613	Lê Thị Quỳnh	Nhi	Nữ	04/12/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.73	7.33	Khá	0223/25/TC/CDCNH	501359	
171	2350614	Nguyễn Ngọc Hải	Nhi	Nữ	01/11/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.76	7.36	Khá	0224/25/TC/CDCNH	501360	
172	2350615	Võ Thị Thủy	Nhi	Nữ	16/02/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	3.6	8.72	Xuất sắc	0225/25/TC/CDCNH	501361	
173	2350616	Nguyễn Hoàng Băng	Phương	Nữ	05/12/2007	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	3.22	8.29	Giỏi	0226/25/TC/CDCNH	501362	
174	2350617	Võ Văn Minh	Trí	Nam	23/03/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.91	7.61	Khá	0227/25/TC/CDCNH	501363	
175	2350618	Trương Thị Thanh	Trúc	Nữ	18/01/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	3.82	9.09	Xuất sắc	0228/25/TC/CDCNH	501364	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
176	2350619	Trần Hữu Anh	Tuấn	Nam	01/01/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.16	6.43	Trung bình	0229/25/TC/CDCNH	501365	
177	2350620	Võ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	23/03/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	3	7.7	Giỏi	0230/25/TC/CDCNH	501366	
178	2350621	Phạm Thị Tường	Vi	Nữ	01/01/2008	Thành phố Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	23TCNT11-B	55	2.51	6.94	Khá	0231/25/TC/CDCNH	501367	
179	2350094	Nguyễn Bình	An	Nam	26/05/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.67	7.21	Khá	0232/25/TC/CDCNH	501368	
180	2350098	Ngô Thiên Gia	Bào	Nam	16/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.57	7.04	Khá	0233/25/TC/CDCNH	501369	
181	2350101	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	02/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	3	7.8	Giỏi	0234/25/TC/CDCNH	501370	
182	2350103	Nguyễn Đức	Hào	Nam	15/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	3.31	8.1	Giỏi	0235/25/TC/CDCNH	501371	
183	2350109	Lê Nguyễn Quốc	Huy	Nam	07/12/2007	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.71	7.3	Khá	0236/25/TC/CDCNH	501372	
184	2350784	Võ Anh	Khoa	Nam	27/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.59	6.97	Khá	0237/25/TC/CDCNH	501373	
185	2350113	Đặng Hữu Trung	Kiên	Nam	09/11/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	3.29	8.17	Giỏi	0238/25/TC/CDCNH	501374	
186	2350121	Ngô Việt Hoàng	Nhật	Nam	13/12/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	3.02	7.71	Giỏi	0239/25/TC/CDCNH	501375	
187	2350787	Đặng Văn	Tân	Nam	02/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.84	7.61	Khá	0240/25/TC/CDCNH	501376	
188	2350128	Nguyễn Ngọc Huệ	Tánh	Nam	01/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.55	7.1	Khá	0241/25/TC/CDCNH	501377	
189	2350129	Nguyễn Nam	Thành	Nam	24/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	3.02	7.89	Giỏi	0242/25/TC/CDCNH	501378	
190	2350133	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/06/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.95	7.79	Khá	0243/25/TC/CDCNH	501379	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
191	2350134	Hồ Văn Quang	Tùng	Nam	22/06/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	2.74	7.49	Khá	0244/25/TC/CDCNH	501380	
192	2350136	Võ Tấn	Vinh	Nam	09/02/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT11-B	58	3.05	7.84	Giỏi	0245/25/TC/CDCNH	501381	
193	2350137	Nguyễn Đăng Bình	An	Nam	15/10/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.95	7.73	Khá	0246/25/TC/CDCNH	501382	
194	2350139	Lê Bá Nhật	Anh	Nam	28/07/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	3.29	7.99	Giỏi	0247/25/TC/CDCNH	501383	
195	2350141	Lê Bá Thanh	Bào	Nam	29/02/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.41	6.88	Trung bình	0248/25/TC/CDCNH	501384	
196	2350144	Nguyễn	Đạt	Nam	20/06/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.72	7.36	Khá	0249/25/TC/CDCNH	501385	
197	2350777	Lý Ngọc	Hải	Nam	23/12/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.29	6.78	Trung bình	0250/25/TC/CDCNH	501386	
198	2350147	Trần Vĩnh	Hào	Nam	27/10/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.86	7.64	Khá	0251/25/TC/CDCNH	501387	
199	2350149	Nguyễn Văn Ngọc	Hoàng	Nam	09/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.57	7.09	Khá	0252/25/TC/CDCNH	501388	
200	2350153	Chu Đức	Huy	Nam	16/02/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.78	7.24	Khá	0253/25/TC/CDCNH	501389	
201	2350154	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	01/02/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	3.26	8.12	Giỏi	0254/25/TC/CDCNH	501390	
202	2350156	Tôn Thất	Huynh	Nam	26/03/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.5	6.92	Khá	0255/25/TC/CDCNH	501391	
203	2350157	Hoàng Lê Anh	Khoa	Nam	05/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.91	7.72	Khá	0256/25/TC/CDCNH	501392	
204	2350158	Hồng Thọ Nguyễn	Khôi	Nam	17/09/2008	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.22	6.64	Trung bình	0257/25/TC/CDCNH	501393	
205	2350160	Võ Hồ Nhật	Minh	Nam	27/11/2007	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.79	7.42	Khá	0258/25/TC/CDCNH	501394	
206	2350162	Nguyễn Đắc Thành	Nhân	Nam	29/11/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.64	7.29	Khá	0259/25/TC/CDCNH	501395	
207	2350168	Mai Nguyễn Bảo	Quân	Nam	02/08/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.91	7.49	Khá	0260/25/TC/CDCNH	501396	
208	2350169	Nguyễn Anh	Quân	Nam	30/04/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	3.14	8.04	Giỏi	0261/25/TC/CDCNH	501397	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
209	2350170	Nguyễn Phú	Quốc	Nam	21/09/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.97	7.69	Khá	0262/25/TC/CDCNH	501398	
210	2350171	Lê Đức	Quý	Nam	10/01/2008	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	23TCOT12-B	58	2.78	7.32	Khá	0263/25/TC/CDCNH	501399	
211	2350325	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	24/12/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.72	7.16	Khá	0264/25/TC/CDCNH	501400	
212	2350753	Nguyễn Đình Khánh	Hà	Nữ	27/04/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	3.3	8.23	Giỏi	0265/25/TC/CDCNH	501401	
213	2350336	Phạm Gia	Hiếu	Nam	14/04/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.43	6.97	Trung bình	0266/25/TC/CDCNH	501402	
214	2350340	Ngô Quang	Huy	Nam	14/12/2007	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.89	7.27	Khá	0267/25/TC/CDCNH	501403	
215	2350341	Nguyễn Lê Tấn	Kha	Nam	05/06/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	3.64	8.89	Xuất sắc	0268/25/TC/CDCNH	501404	
216	2350343	Võ Lê Đăng	Khôi	Nam	29/03/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	3.66	8.82	Xuất sắc	0269/25/TC/CDCNH	501405	
217	2350344	Lê Văn Tuấn	Kiệt	Nam	05/06/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.98	7.65	Khá	0270/25/TC/CDCNH	501406	
218	2350352	Lê Gia	Nguyên	Nam	23/10/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	3.6	8.86	Xuất sắc	0271/25/TC/CDCNH	501407	
219	2350353	Lê Hoàng	Nhật	Nam	01/11/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.91	7.43	Khá	0272/25/TC/CDCNH	501408	
220	2350362	Nguyễn Văn Nhật	Quang	Nam	20/04/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.85	7.6	Khá	0273/25/TC/CDCNH	501409	
221	2350366	Bùi Văn	Thành	Nam	17/08/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	3.26	7.98	Giỏi	0274/25/TC/CDCNH	501410	
222	2350369	Hoàng Hữu	Thịnh	Nam	06/06/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.32	6.66	Trung bình	0275/25/TC/CDCNH	501411	
223	2350370	Nguyễn Hữu	Thông	Nam	14/05/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	2.96	7.68	Khá	0276/25/TC/CDCNH	501412	
224	2350371	Trần Quang	Thừa	Nam	14/10/2007	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH11-B	53	3.83	9.18	Xuất sắc	0277/25/TC/CDCNH	501413	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
225	2350375	Nguyễn Dương Hoài	An	Nam	10/03/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.09	7.84	Giỏi	0278/25/TC/CDCNH	501414	
226	2350377	Nguyễn Thiện Quốc	Anh	Nam	11/02/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	2.66	7.16	Khá	0279/25/TC/CDCNH	501415	
227	2350379	Huỳnh Nhật Thiên	Bào	Nam	13/05/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	2.94	7.47	Khá	0280/25/TC/CDCNH	501416	
228	2350698	Phạm Phước	Công	Nam	03/05/2007	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.36	8.08	Giỏi	0281/25/TC/CDCNH	501417	
229	2350381	Trương Văn	Công	Nam	24/05/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	2.62	7.2	Khá	0282/25/TC/CDCNH	501418	
230	2350382	Nguyễn	Đạt	Nam	09/08/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	2.43	6.82	Trung bình	0283/25/TC/CDCNH	501419	
231	2350384	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	10/06/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	2.58	6.89	Khá	0284/25/TC/CDCNH	501420	
232	2350386	Võ Nguyễn Trung	Hậu	Nam	18/10/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.26	8.1	Giỏi	0285/25/TC/CDCNH	501421	
233	2350392	Vương Quốc	Huy	Nam	03/05/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.15	7.79	Giỏi	0286/25/TC/CDCNH	501422	
234	2350399	Đình Phú	Minh	Nam	15/01/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.64	8.62	Xuất sắc	0287/25/TC/CDCNH	501423	
235	2350400	Nguyễn Lê Trần	Minh	Nam	25/06/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.79	9.07	Xuất sắc	0288/25/TC/CDCNH	501424	
236	2350402	Trần Quang	Nhật	Nam	07/08/2008	Gia Lai	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.53	8.43	Xuất sắc	0289/25/TC/CDCNH	501425	
237	2350405	Nguyễn Khánh	Toàn	Nam	04/09/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.43	8.52	Giỏi	0290/25/TC/CDCNH	501426	
238	2350408	Bùi Quốc	Trung	Nam	04/07/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.74	8.52	Xuất sắc	0291/25/TC/CDCNH	501427	
239	2350412	Trương Đình	Vinh	Nam	12/01/2008	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	23TCTH12-B	53	3.11	7.74	Giỏi	0292/25/TC/CDCNH	501428	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
240	2350416	Hồ Đắc	Huy	Nam	08/12/2008	Thành phố Huế	Thương mại điện tử	23TCTM11-B	63	3.4	8.33	Giỏi	0293/25/TC/CDCNH	501429	
241	2350421	Phạm Văn Tuấn	Phi	Nam	30/05/2008	Thành phố Huế	Thương mại điện tử	23TCTM11-B	63	2.87	7.55	Khá	0294/25/TC/CDCNH	501430	
242	2350442	Trần Cẩm	Tiên	Nữ	05/08/2008	Thành phố Huế	Thương mại điện tử	23TCTM12-B	63	2.89	7.5	Khá	0295/25/TC/CDCNH	501431	

Danh sách trên gồm 242 học sinh tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO



Tôn Thất Đồng



Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp lớp 24TCDC12A-D
đợt xét tháng 09/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 19 tháng 9 năm 2025 cho các Khóa 23TC-B, 24CL (đào tạo theo chương trình 1 năm), và các lớp 24TCDC12A-D, 24TCDC21B-D, 22CDCK21 (đào tạo theo chương trình 3 năm);

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 11 sinh viên đào tạo bậc Trung cấp chính quy, lớp 24TCDC12A-D, đợt xét tháng 9/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
LỚP 24TCDC12A-D - BẠC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 09/2025
(Kèm theo Quyết định số 577/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 24 tháng 9 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2450412	Hồ Khắc Minh	Dương	Nam	11/01/2006	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.12	7.89	Giỏi	0296/25/TC/CĐCNH	501432	
2	2450005	Ngô Việt	Hoàng	Nam	21/10/1997	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.22	7.97	Giỏi	0297/25/TC/CĐCNH	501433	
3	2450023	Hoàng Nhật	Hùng	Nam	30/01/1996	Quảng Trị	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3	7.69	Giỏi	0298/25/TC/CĐCNH	501434	
4	2450007	Phạm Ngọc	Hùng	Nam	13/06/1980	Quảng Trị	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.2	7.87	Giỏi	0299/25/TC/CĐCNH	501435	
5	2450010	Lê Anh	Khoa	Nam	06/01/1994	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.53	8.53	Xuất sắc	0300/25/TC/CĐCNH	501436	
6	2450012	Trần Thanh	Liên	Nam	15/11/1995	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.12	7.88	Giỏi	0301/25/TC/CĐCNH	501437	
7	2450014	Võ Quang	Phổ	Nam	26/12/1982	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.67	8.67	Xuất sắc	0302/25/TC/CĐCNH	501438	
8	2450016	Võ Văn	Riêu	Nam	19/09/1983	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.65	8.63	Xuất sắc	0303/25/TC/CĐCNH	501439	
9	2450018	Đỗ Toàn	Song	Nam	31/10/1999	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.63	8.68	Giỏi	0304/25/TC/CĐCNH	501440	Hạ 1 bậc do thi lại
10	2450958	Đặng Ngọc	Tài	Nam	09/06/1994	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.35	8.04	Giỏi	0305/25/TC/CĐCNH	501441	
11	2450021	Đoàn Quang	Vinh	Nam	01/06/1989	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	24TCDC12A-D	51	3.24	8.07	Giỏi	0306/25/TC/CĐCNH	501442	

Danh sách trên gồm 11 sinh viên tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO

Tôn Thất Đồng



Số: 578/QĐ-CĐCNH

Huế, ngày 24 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp lớp 24TCDC21B-D
Đợt xét tháng 09/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 19 tháng 9 năm 2025 cho các Khóa 23TC-B, 24CL (đào tạo theo chương trình 1 năm), và các lớp 24TCDC12A-D, 24TCDC21B-D, 22CDCK21 (đào tạo theo chương trình 3 năm);

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 06 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, lớp 24TCDC21B-D, đợt xét tháng 09/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP 24TCDC21B-D - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 09/2025
(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 24 tháng 9 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2450001	Ngô Bùi Văn	Bình	Nam	20/03/1995	Thành phố Huế	Điện Công Nghiệp	24TCDC21B-D	51	2.98	7.75	Khá	0307/25/TC/CĐCNH	501443	
2	2450003	Hoàng Đức	Hiệp	Nam	01/09/2003	Thành phố Huế	Điện Công Nghiệp	24TCDC21B-D	51	3.25	8.06	Giỏi	0308/25/TC/CĐCNH	501444	
3	2450004	Đoàn Quốc	Hòa	Nam	23/06/1983	Thành phố Huế	Điện Công Nghiệp	24TCDC21B-D	51	3.02	7.71	Khá	0309/25/TC/CĐCNH	501445	Hạ 1 bậc do Thi lại
4	2450011	Trần Hữu	Khoa	Nam	01/06/2000	Thành phố Huế	Điện Công Nghiệp	24TCDC21B-D	51	3.02	7.57	Giỏi	0310/25/TC/CĐCNH	501446	
5	2450017	Lê Thanh	Son	Nam	16/06/1995	Thành phố Huế	Điện Công Nghiệp	24TCDC21B-D	51	3.14	8.05	Giỏi	0311/25/TC/CĐCNH	501447	
6	2450020	Trần Quốc	Việt	Nam	28/08/1996	Thành phố Huế	Điện Công Nghiệp	24TCDC21B-D	51	3.69	8.6	Xuất sắc	0312/25/TC/CĐCNH	501448	

Danh sách trên gồm 06 học sinh tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO

Tôn Thất Đồng



Huế, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp Khóa 21TCA
đợt xét tháng 10/2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-CĐCNH ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 20 tháng 10 năm 2025 cho các Khóa cũ: Từ khóa 22CD (2.5 năm) trở về trước, 23CL trở về trước, 23TCA và 22TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 01 sinh viên đào tạo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 21TCA, đợt xét tháng 10/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT(TNMP).

Q. HIỆU TRƯỞNG

Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
KHÓA 21TCA - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2025
(Kèm theo Quyết định số 675/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 22 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2150627	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/09/1994	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	21TCKT11	53	3.15	7.79	Khá	0313/25/TC/CĐCNH	501449	

Danh sách trên gồm 01 sinh viên tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO

Tôn Thất Đồng



CÔNG
Q. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP
HUẾ
Trần Hữu Châu Giang

Số: 676/QĐ-CĐCNH

Huế, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp Khóa 22TCA, 23TCA
đợt xét tháng 10/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-202;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 20 tháng 10 năm 2025 cho các Khóa cũ: Từ khóa 22CD (2.5 năm) trở về trước, 23CL trở về trước, 23TCA và 22TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 04 sinh viên đào tạo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCA và 23TCA, đợt xét tháng 10/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
KHÓA 22TCA, 23TCA - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2025
(Kèm theo Quyết định số 676/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 22 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2250766	Nguyễn Thị Như	Sung	Nữ	16/07/2004	Thành phố Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21	52	3.08	7.86	Khá	0314/25/TC/CĐCNH	501450	Hạ 1 bậc do học lại vượt quá 10% tổng số TC
2	2350204	Phạm Thị	Huệ	Nữ	05/07/2005	Thành phố Huế	Máy Thời trang	23TCCK21	59	3.63	8.87	Xuất sắc	0315/25/TC/CĐCNH	501451	
3	2350662	Đỗ Thị Diệu	Hằng	Nữ	15/08/1998	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	23TCDC11	52	3.29	8.24	Giỏi	0316/25/TC/CĐCNH	501452	
4	2350774	Nguyễn Ngọc	Nhã	Nam	01/02/2001	Quảng Trị	Điện công nghiệp	23TCDC11	52	2.92	7.77	Khá	0317/25/TC/CĐCNH	501453	

Danh sách trên gồm 04 sinh viên tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO


Tôn Thất Đồng



Số: 677/QĐ-CĐCNH

Huế, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 21TCB
đợt tháng 10/2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-CĐCNH ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-202;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 20 tháng 10 năm 2025 cho các Khóa cũ: Từ khóa 22CD (2.5 năm) trở về trước, 23CL trở về trước, 23TCA và 22TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 03 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 21TCB đợt xét tháng 10/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 21TCB - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2025
(Kèm theo Quyết định số 677/QĐ-ĐCNC của Hiệu trưởng ngày 22 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2150166	Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	01/07/2006	Thành phố Huế	Kế toán doanh nghiệp	21TCKT11-B	53	2.68	7.37	Khá	0318/25/TC/CDCNH	501454	
2	2150170	Hồ Thị Hiền	Thục	Nữ	01/12/2006	Nghệ An	Kế toán doanh nghiệp	21TCKT11-B	53	2.45	6.85	Trung bình	0319/25/TC/CDCNH	501455	
3	2150012	Phan Văn	Tùng	Nam	02/10/2000	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21TCNL12-B	59	3.42	8.33	Giỏi	0320/25/TC/CDCNH	501456	

Danh sách trên gồm 03 học sinh tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO



Tôn Thất Đồng



Số: 678/QĐ-CĐCNH

Huế, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 22TCB
đợt tháng 10/2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 20 tháng 10 năm 2025 cho các Khóa cũ: Từ khóa 22CD (2.5 năm) trở về trước, 23CL trở về trước, 23TCA và 22TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 17 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCB đợt xét tháng 10/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 22TCB - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2025
(Kèm theo Quyết định số 678/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 22 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Chi chú
1	2250073	Mai Thị Bào	Châu	Nữ	10/12/2007	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	2.93	7.42	Khá	0321/25/TC/CĐCNH	501457	
2	2250432	Lê Duy Quốc	Thành	Nam	13/06/2007	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	2.96	7.56	Khá	0322/25/TC/CĐCNH	501458	
3	2250254	Phan Trương Minh	Trí	Nam	09/11/2007	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	2.65	7.27	Khá	0323/25/TC/CĐCNH	501459	
4	2250391	Đặng Minh	Triết	Nam	08/10/2007	Thành phố Huế	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	2.87	7.5	Khá	0324/25/TC/CĐCNH	501460	
5	2250119	Lương Quốc	Tuấn	Nam	27/02/2006	Thành phố Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.84	7.34	Khá	0325/25/TC/CĐCNH	501461	
6	2250286	Trần Gia	Minh	Nam	01/01/2007	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.25	6.74	Trung bình	0326/25/TC/CĐCNH	501462	
7	2250339	Nguyễn Hữu	Quốc	Nam	05/07/2004	Đắk Lắk	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	2.17	6.56	Trung bình	0327/25/TC/CĐCNH	501463	
8	2250369	Trần Bá	Khoa	Nam	06/10/2007	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.66	7.23	Khá	0328/25/TC/CĐCNH	501464	
9	2250506	Nguyễn Phương	Nam	Nam	03/09/2007	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.76	7.47	Khá	0329/25/TC/CĐCNH	501465	
10	2250782	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	06/03/2006	Thành phố Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.14	6.51	Trung bình	0330/25/TC/CĐCNH	501466	
11	2250150	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	19/10/2007	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.57	7.03	Khá	0331/25/TC/CĐCNH	501467	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Chi chú
12	2250193	Nguyễn Hoàng Trọng	Nghĩa	Nam	19/08/2007	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.53	7.02	Khá	0332/25/TC/CDCNH	501468	
13	2250201	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	30/06/2007	Thành phố Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.66	7.12	Khá	0333/25/TC/CDCNH	501469	
14	2250209	Hồ Quang	Vinh	Nam	12/08/2007	Đắk Lắk	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	60	3.22	7.79	Khá	0334/25/TC/CDCNH	501470	Hạ 1 bậc do học lại vượt quá 10% tổng số TC
15	2250449	Nguyễn Đắc Quang	Định	Nam	12/10/2007	Thành phố Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.1	6.28	Trung bình	0335/25/TC/CDCNH	501471	
16	2250513	Tôn Thất Thiên	Phúc	Nam	29/11/2005	Thành phố Huế	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	2.47	7	Trung bình	0336/25/TC/CDCNH	501472	
17	2250525	Trần Văn Anh	Thoại	Nam	24/10/2007	Thành phố Huế	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	2.68	7.22	Khá	0337/25/TC/CDCNH	501473	

Danh sách trên gồm 17 học sinh tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO



Tôn Thất Đồng



Q. HIỆU TRƯỞNG

Trần Hữu Châu Giang



Huế, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 22TCB (Quảng Trị)
Đợt xét tháng 10/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-CĐCNH ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2025-2026;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 20 tháng 10 năm 2025 cho các Khóa cũ: Từ khóa 22CD (2.5 năm) trở về trước, 23CL trở về trước, 23TCA và 22TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 03 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCB (Quảng Trị), đợt xét tháng 10/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



Trần Hữu Châu Giang

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 22TCB TẠI QUẢNG TRỊ - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2025

(Kèm theo Quyết định số 679/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 22 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2251029	Đình Nhật	Tây	Nam	27/04/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC11-CR	55	2.98	7.79	Khá	0338/25/TC/CĐCNH	501474	
2	2251016	Võ Lê Quang	Quân	Nam	11/11/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	2.53	6.95	Khá	0339/25/TC/CĐCNH	501475	
3	2251019	Nguyễn Hữu Hoàng	Sơn	Nam	08/02/2007	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC12-CT	55	2.51	6.91	Khá	0340/25/TC/CĐCNH	501476	

Danh sách trên gồm 03 sinh viên tốt nghiệp./.

PTP. ĐÀO TẠO



Tôn Thất Đồng



Q. HIỆU TRƯỞNG



Trần Hữu Châu Giang